

Số: /TM-BVUB

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh mời các đơn vị cung ứng có đủ kinh nghiệm, năng lực tham gia báo giá gói Mua sắm đồ vải của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh với nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm đồ vải

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

2. Báo giá đề nghị cung cấp

- Báo giá chỉ được xem xét khi điền chính xác các nội dung theo biểu mẫu gửi kèm.

- Bản cứng báo giá phải được người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký xác nhận và đóng dấu đủ từng trang của báo giá và gửi về Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh; bản điện tử gửi về địa chỉ hòm thư bvub.syt@bacninh.gov.vn.

3. Thời gian, địa điểm nhận báo giá

- Thời gian: Trước 15h00' ngày 09 tháng 9 năm 2026.

- Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Đa Mai, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 0204 3666 222/0832 765 683 (Đ/c Mạnh Hải Yến).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC 1:**Danh mục, số lượng Mua sắm đồ vải**

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVUB ngày /9/2026 của Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh)

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
1	Áo phẫu thuật màu tím	1. Chất liệu, màu sắc: Vải kaki màu tím. 2. Kiểu dáng may: Áo dài tay, chiều dài qua gối 20 đến 30cm, bo chun tay (trong chun ngoài vải) dây buộc phía sau lưng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng (g/m ²): 231± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm) + Dọc: 458 ±1 + Ngang: 234 ±1 - Thành phần nguyên liệu(%) + Polyeste: 60± 5 + Bông: 40± 5 4. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.	Chiếc	128	
2	Bộ quần áo xanh cổ V	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kate ford màu xanh 2. Kiểu dáng may: a) Áo: - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. b) Quần: - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng (g/m ²): 156± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm)	Bộ	50	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
		+ Dọc: 298 ± 1 + Ngang: 250 ± 1 - Thành phần nguyên liệu(%) + Polyeste: 60 ± 5 + Bông: 40 ± 5 4. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.			
3	Áo bọc bình oxy	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kate ford màu xanh 2. Quy cách: May theo hình ống cao 150cm đường kính 30cm. Có dây rút 2 đầu. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng (g/m ²): 156 ± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm) + Dọc: 298 ± 1 + Ngang: 250 ± 1 - Thành phần nguyên liệu(%) + Polyeste: 60 ± 5 + Bông: 40 ± 5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	11	
4	Săng thường màu xanh 0,8x0,8m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu xanh cổ vịt 2. Kích thước: 0,8x0,8m may 1 lớp. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): $231,5 \pm 0.5$ - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ± 1 ; Ngang: 235 ± 1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60 ± 5 ; Cotton: 40 ± 5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	100	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
5	Săng thường màu xanh 1,6 x 1,6 m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu xanh 2. Kích thước: 1,6x1,6m, may 1 lớp. 3.Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	130	
6	Săng thường màu xanh 1,8 x 2 m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu xanh 2. Kích thước: 1,8x2m, may 1 lớp. 3.Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	13	
7	Săng thường màu trắng 1,5x2 m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu trắng 2. Kích thước: 1,5x2m, may 1 lớp. 3.Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	3	
8	Săng thường màu trắng 1,4x2,3 m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu trắng 2. Kích thước: 1,4x2,3m, may 1 lớp. 3.Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	7	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
9	Săng thường màu trắng 1,8x2 m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu trắng 2. Kích thước: 1,8x2m, may 1 lớp. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±6 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	13	
10	Săng lỗ thường màu xanh 0,8x0,8m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu xanh 2. Kích thước: 0,8 x 0,8m, may 1 lớp. Kích thước lỗ 10cm 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	16	
11	Săng đúp màu ghi 1,4mx1,4m	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kaki chéo màu ghi 2. Kích thước: 1,4x1,4m, may 2 lớp. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: - Khối lượng (g/m ²): 231,5± 0.5 - Mật độ sợi (sợi/10cm): Dọc: 457 ±1; Ngang: 235 ±1 - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste: 60±5; Cotton: 40±5 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	60	
12	Gối da	1. Chất liệu: Vỏ da màu xám, ruột bằng mút mềm. 2. Kích thước: 24 x 35 x 4cm 3. Quy cách sản phẩm : Gối may bọc da 2 mặt, ruột bằng mút mềm, có khóa kéo có thể tháo vỏ để vệ sinh hoặc thay vỏ khác 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	5	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
13	Đệm giường bệnh nhân	1. Chất liệu, màu sắc: Đệm tiêu chuẩn, được chia thành hai khúc, bao gồm hai lớp. - Lớp ruột bằng bông ép nhân tạo, màu trắng, được liên kết chắc chắn, đảm bảo độ êm, phẳng tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân. - Lớp vỏ giả da bên ngoài màu ghi xám. Đường may kín, chống thấm nước, dịch, không bám bẩn, dễ dàng làm sạch. 2. Kích thước: 190x90x5cm 3. Quy cách và kiểu dáng: Có khúc gập chiều dài 60cm, có phéc mơ tuya kéo dọc thân đệm. 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.	Chiếc	68	
14	Áo người bệnh	1. Chất liệu, màu sắc: - Vải thô kẻ sọc. 2. Kiểu dáng, kích cỡ: - Áo kiểu pyjama, cổ tàu, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi.. May theo size, có in logo bệnh viện. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng vải (g/m²): 109 ± 1 - Mật độ vải (sợi 10cm): Dọc 431 ± 1; Ngang 352 ± 1 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 70 ± 1 + Cotton: 30 ± 1 4. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	80	
15	Quần người bệnh	1. Chất liệu, màu sắc: - Vải kẻ nhỏ. 2. Kiểu dáng, kích cỡ: - Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau.	Cái	30	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
		May theo size, có in logo bệnh viện. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng vải (g/m²): 132,5 ± 0.5 - Mật độ vải (sợi 10cm): Dọc 545 ± 1; Ngang 297 ± 1 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 80 ± 1 + Cotton: 20 ± 1 4. In số trên sản phẩm theo yêu cầu.			
16	Chăn cho người bệnh	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kate ford màu xanh 2. Kích thước: 1,5 x 2.1m 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng vải (g/m²): 142,5 ± 0.5 - Mật độ vải (sợi 10cm): Dọc 516 ± 1; Ngang 271 ± 1 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ± 1 + Cotton: 35 ± 1 4. Quy cách và kiểu dáng: - Kiểu dáng: hình chữ nhật, có khe để dễ dàng tra vào tháo ra ruột chăn, ở góc chăn có in logo bệnh viện. 5. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	125	
17	Màn cho người bệnh	1. Chất liệu, màu sắc: Vải tuyen, màu trắng 2. Kích thước: 1,2 x 1,9m 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải Vải tuyen mềm, độ bền cao, tạo cảm giác dễ chịu cho người nằm. 4. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	20	

STT	Tên danh mục	Đặc tính, thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi Chú
18	Ga cho người bệnh	1. Chất liệu, màu sắc: Vải Kate ford màu xanh 2. Kích thước: 1,4x 2,3m 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật của vải - Khối lượng vải (g/m ²): 142,5 ± 0.5 - Mật độ vải (sợi 10cm): Dọc 516 ±1; Ngang 271 ± 1 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 65 ± 1 + Cotton: 35 ± 1 4. Quy cách và kiểu dáng: May bo viền chun dày 2,5cm xung quanh. In Logo Bệnh viện 5. In số và Logo bệnh viện trên sản phẩm theo yêu cầu.	Cái	144	

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

Tên đơn vị báo giá:.....

Địa chỉ đăng ký kinh doanh:.....

Số điện thoại:.....; Email (nếu có):.....

Người liên hệ:....., Số điện thoại.....Email:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Bắc Ninh

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Cơ sở sản xuất, nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)

....., ngày..... tháng năm 20...

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)